

Phẩm 4: PHẨM GIẢ KIẾT CỦA PHẦN ĐẦU MỐI

Kiết, căn của các sử, các phiền não là hành của tập khí vi tế, hành của kiết chưa diệt, chưa hết, chuyển sang thọ các khổ của sinh, già chết nhóm họp. Nay sẽ tập hợp môn chánh của kiết giả:

Mười kiết, mười hai nhập, mười tám giới, năm ấm, bốn đế, hai mươi hai căn, pháp, nhân, nhân, pháp của ba cõi, năm đường.

Hỏi: Thế nào là mười kiết?

Đáp: Kiết kiến, kiết nghi, kiết giới đạo, kiết dục nhiễm, kiết giận dữ, kiết sắc nhiễm, kiết nhiễm vô sắc, kiết vô minh, kiết mạn, và kiết trạo cử.

Hỏi: Thế nào là kiết kiến?

Đáp: Nếu phiền não kiến không phải tương ứng của tâm, tâm không chung sinh, trụ không chung, diệt không chung. Do nhân duyên này, nên sinh sử kiến, gọi là kiến kiết, cho đến nếu phiền não trạo cử không phải tương ứng của tâm, tâm không chung sinh, trụ không chung, diệt không chung. Do nhân duyên này, nên sinh sử trạo cử, gọi là kiết trạo cử.

Lại nữa, tại chỗ ở, miên một (hoặc) vi tế, chấp mắc kiên cố, do nhân duyên này, nên sinh sử kiến, gọi là kiết kiến, cho đến tại chỗ ở, miên một vi tế, chấp mắc kiên cố. Do nhân duyên này, nên sinh sử trạo cử, gọi là kiết trạo cử.

Mười hai nhập, mười tám giới, năm ấm, bốn đế, hai mươi hai căn, ba cõi (như trên đã nói).

Hỏi: Năm đường là gì?

Đáp: Đó là Địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ, người, trời.

Hỏi: Thế nào là địa ngục?

Đáp: Vô gián, hữu gián, gọi là địa ngục.

Súc sinh là sao?

Đáp: Loài dưới nước, trên đất liền, trên hư không, gọi là súc sinh.

Hỏi: Thế nào là ngạ quỷ?

Đáp: Ăn ít, không có ăn, v.v..., gọi là ngạ quỷ.

Người là thế nào?

Đáp: Người của bốn thiên hạ, gọi là người.

Trời là gì?

Đáp: Trời cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô Sắc, gọi là trời.

Hỏi: Thế nào là pháp?

Đáp: Pháp sắc, pháp chẳng phải sắc, cho đến quá khứ, pháp vị lai, pháp hiện tại, pháp không phải quá khứ, không phải vị lai, không phải hiện tại, gọi là pháp.

Người là thế nào?

Đáp: Người trí chưa sinh, cõi Dục chưa rồi, cõi Sắc chưa rồi, cõi Vô sắc chưa rồi. Người trí đã sinh, cõi Dục chưa rồi, cõi Sắc, cõi Vô sắc chưa rồi. Lại nữa, người trí đã sinh, cõi Dục đã rồi, cõi Sắc, cõi Vô sắc chưa rồi, gọi là người.

Pháp như thế, người như thế, nói là nhân của pháp, pháp của nhân.

Mười kiết có bao nhiêu kiết là kiến đoạn, bao nhiêu kiết là tư duy đoạn?

Đáp: Ba kiết là kiến đoạn, bảy kiết có hai phần hoặc kiến đoạn, hoặc tư duy đoạn.

Hỏi: Thế nào là ba kiết kiến đoạn?

Đáp: Kiến, nghi, giới đạo, gọi là ba kiết kiến đoạn.

Bảy kiết có hai phần là sao?

Đáp: Hoặc kiến đoạn, hoặc tư duy đoạn: dục nhiễm, giận dữ, sắc nhiễm, vô sắc nhiễm, vô minh, mạn, và trạo cử, gọi là bảy kiết có hai phần hoặc kiến đoạn, hoặc tư duy đoạn.

Mười kiết có bao nhiêu kiến đoạn?

Đáp: Tất cả đều là kiến đoạn.

Có bao nhiêu tư duy đoạn.

Đáp: Có bảy kiết là tư duy đoạn, trừ kiến, nghi, giới đạo.

Mười kiết có bao nhiêu kiết thuộc cõi Dục, bao nhiêu kiết thuộc cõi Sắc, bao nhiêu kiết thuộc cõi Vô sắc?

Đáp: Hai kiết thuộc cõi Dục, một thuộc cõi Sắc, một thuộc cõi Vô sắc, một kiết có hai phần hoặc thuộc cõi Dục, hoặc thuộc cõi Sắc, năm kiết gồm ba phần hoặc kiết cõi Dục, hoặc thuộc cõi Sắc, hoặc thuộc cõi Vô sắc.

Hai kiết nào thuộc cõi Dục?

Đáp: Dục nhiễm, và giận dữ, hai kiết này thuộc về cõi Dục.

Một kiết nào thuộc về cõi Sắc?

Đáp: Sắc nhiễm, một kiết này thuộc về cõi Sắc.

Một kiết nào thuộc về cõi Vô sắc?

Đáp: Vô sắc nhiễm.

Một kiết nào có hai phần hoặc thuộc cõi Dục, hoặc thuộc cõi Sắc?

Đáp: Đó là kiết giới đạo.

Năm kiết nào có ba phần hoặc thuộc về cõi Dục, hoặc thuộc về cõi Sắc, hoặc thuộc về cõi Vô sắc?

Đáp: Đó là các kiết: kiến, nghi, vô minh, mạn, trạo cử.

Trong mười kiết có bao nhiêu kiết thuộc cõi Dục?

Đáp: Có tám, trừ sắc nhiễm, vô sắc nhiễm.

Mười kiết, có bao nhiêu kiết thuộc cõi Sắc?

Đáp: Có bảy, trừ dục nhiễm, kiết giận dữ, vô sắc nhiễm.

Mười kiết, có bao nhiêu kiết thuộc cõi Vô sắc?

Đáp: Có sáu: kiến, nghi, vô sắc nhiễm, vô minh, mạn, trạo cử.

Kiết thuộc cõi Dục, có bao nhiêu kiết thuộc kiến đoạn, bao nhiêu kiết thuộc tư duy đoạn?

Đáp: Có ba kiết thuộc kiến đoạn, năm kiết có hai phần hoặc kiến đoạn, hoặc tư duy đoạn.

Ba kiết thuộc kiến đoạn là những sao?

Đáp: Đó là kiến, nghi, giới đạo.

Những gì là năm kiết có hai phần hoặc kiến đoạn, hoặc tư duy đoạn?

Đáp: Đó là kiết dục nhiễm, giận dữ, vô minh, mạn, trạo cử.

Tám kiết thuộc cõi Dục, có bao nhiêu kiết thuộc kiến đoạn?

Đáp: Tất cả đều là kiến đoạn.

Có bao nhiêu kiết thuộc tư duy đoạn?

Đáp: Có năm kiết thuộc tư duy đoạn, trừ kiến, nghi, giới đạo.

Trong bảy kiết thuộc cõi Sắc, có bao nhiêu kiết thuộc kiến đoạn, bao nhiêu kiết thuộc tư duy đoạn?

Đáp: Có ba kiết thuộc kiến đoạn, bốn kiết có hai phần hoặc kiến đoạn, hoặc tư duy đoạn.

Ba kiến đoạn là những gì?

Đáp: Là Kiến, nghi, giới đạo.

Những gì là bốn kiết có hai phần hoặc kiến đoạn, hoặc tư duy đoạn?

Đáp: Đó là sắc nhiễm, vô minh, mạn, và trạo cử.

Bảy kiết thuộc cõi Sắc, có bao nhiêu kiết thuộc kiến đoạn?

Đáp: Tất cả đều là kiến đoạn.

Có bao nhiêu kiết thuộc tư duy đoạn?

Đáp: Có bốn tư duy đoạn, trừ kiến, nghi, giới đạo.

Sáu kiết thuộc cõi Vô sắc, có bao nhiêu kiết thuộc kiến đoạn, bao nhiêu kiết thuộc tư duy đoạn?

Đáp: Có hai kiết thuộc kiến đoạn, bốn kiết có hai phần hoặc kiến đoạn, hoặc tư duy đoạn.

Hai kiết thuộc kiến đoạn là những gì?

Đáp: Đó là kiến, nghi.

Những gì là bốn kiết có hai phần hoặc kiến đoạn, hoặc tư duy đoạn?

Đáp: Đó là nhiễm vô sắc, vô minh, mạn, và trạo cử, bốn kiết có hai phần hoặc kiến đoạn, hoặc tư duy đoạn.

Sáu kiết thuộc cõi Vô sắc, có bao nhiêu kiết thuộc kiến đoạn?

Đáp: Tất cả đều là kiến đoạn.

Có bao nhiêu kiết thuộc tư duy đoạn?

Đáp: Có bốn kiết thuộc tư duy đoạn: vô sắc nhiễm, vô minh, mạn, và trạo cử.

Miền một (phiền não Hoặc), kiết kiến, có bao nhiêu miền một trong kiết?

Đáp: Có miền một trong tám kiết, trừ tự tánh và nghi, có miền một, trong chín kiết, trừ tự tánh. Giới đạo không có miền một, và các miền một của kiết dục nhiễm.

Miền một trong năm kiết kiến giới đạo, vô minh, mạn, trạo cử, giận dữ trong năm kiết. Miền một trong sáu kiết: kiến, giới đạo, vô minh, mạn, trạo cử, kiết nhiễm sắc. Miền một trong năm kiết: Kiến giới đạo, vô minh, mạn, trạo và kiết nhiễm vô sắc

Miền một trong bốn kiết kiến, vô minh, mạn, trạo cử, và kiết vô minh.

Trong chín kiết, trừ tự tánh, kiết mạn, trạo cử cũng có miền một, chín kiết, trừ tự tánh.

Có bao nhiêu miền một của kiết?

Đáp: Có tám trong kiết kiến, trừ tự tánh và trộm giới. Miền một của bốn kiết, giận giữ, vô minh, mạn, trạo cử trong kiết nghi. Miền một của tám kiết, trong giới đạo, trừ tự tánh và miền một của năm kiết vô sắc nhiễm. Miền một của năm kiết: Kiến, Nghi, vô minh, mạn, trạo cử trong kiết dục nhiễm. Kiết kiến, nghi, vô minh, và trạo cử trong kiết giận dữ miền một của năm kiết: kiết kiến, nghi, vô minh, mạn, và trạo cử trong kiết sắc nhiễm. Miền một của năm kiết: kiết kiến, nghi, vô minh, mạn, và trạo cử trong kiết vô sắc nhiễm.

Miền một của tám kiết: trừ tự tánh và giới đạo trong kiết vô minh, tám kiết cũng có miền một, trong kiết mạn, trạo cử, trừ tự tánh và giới đạo.

Nhãn nhập, nhĩ nhập, miên một của tám kiết, trừ giới đạo và vô sắc nhiễm. Tỷ nhập, thiệt nhập, miên một của bảy kiết, trừ giới đạo, sắc nhiễm, vô sắc nhiễm. Thân nhập, miên một của tám kiết, trừ trộm giới, vô sắc nhiễm.

Miên một của chín kiết trong ý nhập, trừ giới đạo. Sắc nhập, thanh nhập, miên một của chín kiết, trừ vô sắc nhiễm. Hương, vị nhập, miên một của bảy kiết, trừ giới đạo. Sắc nhiễm, vô sắc nhiễm.

Miên một của tám kiết ở xúc nhập, trừ giới đạo, vô sắc nhiễm. Pháp nhập, miên một của mười kiết.

Giới nhãn, nhĩ, miên một của tám kiết, trừ giới đạo, vô sắc nhiễm, giới tỷ, giới thiệt, miên một của bảy kiết, trừ giới đạo, sắc nhiễm, vô sắc nhiễm. Miên một của tám kiết ở giới thân, trừ giới đạo, vô sắc nhiễm. Giới sắc, giới thanh, miên một của chín kiết, trừ vô sắc nhiễm. Giới hương, giới vị, miên một của bảy kiết, trừ giới đạo, sắc nhiễm, vô sắc nhiễm. Giới xúc, miên một của tám kiết, trừ giới đạo, vô sắc nhiễm. Nhãn thức giới, giới nhĩ thức, miên một của tám kiết, trừ giới đạo, vô sắc nhiễm. Giới tỷ thức, giới thiệt thức, miên một của bảy kiết, trừ giới đạo, sắc nhiễm, vô sắc nhiễm, giới thân, miên một của tám kiết, trừ giới đạo, vô sắc nhiễm. Giới ý, giới ý thức, miên một của chín kiết, trừ giới đạo. Giới pháp miên một của mười kiết.

Sắc ấm, miên một của mười kiết, thọ, tưởng, hành, thức ấm, miên một của chín kiết, trừ giới đạo.

Khổ đế, miên một của mười kiết, tập đế, miên một của năm kiết, kiến, nghi, vô minh, mạn, và trạo cử, diệt đế, đạo đế không có.

Nhãn căn, nhĩ căn, miên một của tám kiết, trừ giới đạo, vô sắc nhiễm. Tỷ căn, thiệt căn, miên một của bảy kiết, trừ giới đạo, sắc nhiễm, vô sắc nhiễm. Thân căn miên một của tám kiết trừ giới đạo và vô sắc nhiễm. Mạng căn, miên một của chín kiết, trừ giới đạo. Lạc căn, miên một của bảy kiết, trừ giới đạo, giận dữ, vô sắc nhiễm. Khổ căn, miên một của sáu kiết, kiến, nghi, giận dữ, vô minh, mạn, và trạo cử. Hỷ căn, miên một của bảy kiết, trừ giới đạo, sân nhuế, vô sắc nhiễm. Ưu căn, miên một của sáu kiết: nghi, giận dữ, vô minh, mạn, và trạo cử. Xả căn, miên một của tám kiết, trừ giới đạo, giận dữ. Ý căn, miên một của chín kiết, trừ giới đạo, căn các Thánh không có.

Địa ngục hoặc sáu, hoặc bảy kiết: Địa ngục vô gián, miên một của sáu kiết: kiến, nghi, giận dữ, vô minh, mạn, và trạo cử. Địa ngục hữu gián, miên một của bảy kiết: kiến, nghi, dục nhiễm, giận dữ, vô minh, mạn, và trạo cử.

Súc sinh, miên một của tám kiết, trừ sắc nhiễm, vô sắc nhiễm.

Ngạ quỷ, miên một của tám kiết, trừ sắc nhiễm, vô sắc nhiễm.
Con người, miên một của tám kiết, trừ sắc nhiễm, vô sắc nhiễm. Chư Thiên, miên một của mười kiết. Trời cõi Dục, miên một của tám kiết, trừ sắc nhiễm, vô sắc nhiễm. Trời cõi Sắc, miên một của bảy kiết, trừ dục nhiễm, giận dữ, vô sắc nhiễm. Trời cõi Vô sắc, miên một của sáu kiết: kiến, nghi, vô sắc nhiễm, vô minh, mạn, và trạo cử.

Cõi Dục, miên một của tám kiết, trừ sắc nhiễm, vô sắc nhiễm. Cõi Sắc, miên một của bảy kiết, trừ dục nhiễm, giận dữ, vô sắc nhiễm. Cõi Vô sắc, miên một của sáu kiết: kiến, nghi, vô sắc nhiễm, vô minh, mạn, và trạo cử.

Pháp sắc, miên một của mười kiết, pháp chẳng phải sắc, miên một của chín kiết, trừ giới đạo. Pháp có thể thấy, miên một của chín kiết, trừ vô sắc nhiễm, pháp không thể thấy, miên một của mười kiết, pháp có đối, miên một của chín kiết, trừ vô sắc nhiễm, pháp không có đối, miên một của mười kiết, pháp của bậc Thánh không có, pháp chẳng phải Thánh, miên một của mười kiết.

Pháp hữu lậu, miên một của mười kiết, pháp vô lậu không có. Pháp có nhiễm miên một của mười kiết, pháp không có nhiễm không có. Pháp có mong cầu: có mười, pháp không mong cầu thì không có. Pháp nên nhận lấy: có mười, pháp không nên nhận lấy không có.

Pháp có nhận lấy: có mười, pháp không nhận lấy không có. Pháp có vượt hơn: có mười, pháp không, vượt hơn, không có.

Pháp thọ, miên một của chín kiết, trừ giới đạo. Pháp chẳng phải thọ, miên một của mười kiết.

Pháp nội, miên một của chín kiết, trừ giới đạo, pháp ngoại, miên một của mười kiết.

Pháp có báo, miên một của mười kiết, pháp không có báo, miên một của mười kiết.

Pháp tâm, miên một của chín kiết trừ giới đạo, chẳng phải pháp tâm, miên một của mười kiết.

Pháp tương ứng của tâm, miên một của chín kiết, trừ giới đạo. Chẳng phải pháp tương ứng của tâm, miên một của mười kiết. Pháp tâm sở miên một của chín kiết, trừ giới đạo, chẳng phải pháp tâm sở miên một của mười kiết

Pháp có duyên, miên một của chín kiết, trừ giới đạo, pháp không có duyên, miên một của mười kiết.

Pháp của tâm chung, miên một của mười kiết, pháp của tâm không

chung, miên một của mười kiết, pháp tùy tâm chuyển, pháp không tùy tâm chuyển cũng như thế.

Pháp nghiệp, miên một của mười kiết, pháp chẳng phải nghiệp, cũng như thế.

Pháp tương ứng của nghiệp, miên một của chín kiết, trừ giới đạo, pháp tương ứng của chẳng phải nghiệp, miên một của mười kiết.

Pháp của nghiệp chung, miên một của mười kiết, pháp chẳng phải nghiệp chung, miên một của mười kiết, pháp tùy chuyển nghiệp, pháp không tùy chuyển nghiệp cũng như thế.

Pháp của nhân, miên một của mười kiết, pháp chẳng phải nhân, miên một của mười kiết, pháp có nhân miên một của mười kiết, pháp không có nhân, không có. Pháp có đầu mối, pháp không có đầu mối, pháp có duyên, pháp không có duyên, pháp hữu vi, pháp vô vi cũng thế. Pháp biết, miên một của mười kiết, pháp chẳng biết, miên một của mười kiết, pháp nhận thức, pháp không phải nhận thức, pháp giải, pháp phi giải, pháp thấu tỏ, pháp phi liễu cũng như thế.

Pháp dứt trí biết, miên một của chín kiết, trừ giới đạo. Pháp chẳng phải dứt trí biết, miên một của mười kiết, pháp dứt, pháp chẳng phải dứt cũng như thế.

Pháp tu, miên một của mười kiết, pháp chẳng phải tu, miên một của mười kiết. Pháp chứng, miên một của mười kiết, pháp không phải chứng, miên một của mười kiết. Pháp thiện, miên một của mười kiết, pháp bất thiện, miên một của chín kiết, trừ giới đạo. Pháp vô ký, miên một của mười kiết, pháp học, pháp Vô học không có, pháp phi học, phi Vô học, miên một của mười kiết. Pháp báo, miên một của mười kiết, pháp của pháp báo, miên một của mười kiết. Chẳng phải báo, chẳng phải pháp của pháp báo, miên một của mười kiết.

Pháp kiến đoạn, miên một của chín kiết, trừ giới đạo, pháp tư duy đoạn, miên một của chín kiết, trừ giới đạo. Pháp chẳng phải kiến đoạn, chẳng phải tư duy đoạn, miên một của mười kiết. Pháp của nhân kiến đoạn, miên một của chín kiết, trừ giới đạo. Pháp của nhân tư duy đoạn, miên một của chín kiết, trừ giới đạo. Pháp của nhân không phải kiến đoạn, không phải tư duy đoạn, miên một của mười kiết.

Pháp thuộc cõi Dục, miên một của tám kiết, trừ sắc nhiễm, vô sắc nhiễm.

Pháp thuộc cõi Sắc, miên một của bảy kiết, trừ dục nhiễm, giận dữ, vô sắc nhiễm.

Pháp thuộc cõi Vô sắc, miên một của sáu kiết: kiến, nghi, vô sắc

nhiễm, vô minh, mạn, và trạo cử pháp không thuộc không có.

Pháp quá khứ, miên một của mười kiết, pháp vị lai, miên một của mười kiết, pháp hiện tại, miên một của mười kiết, pháp không phải quá khứ, không phải vị lai, không phải hiện tại không có.

Người trí chưa sinh, cõi Dục chưa rồi, cõi Sắc chưa rồi, cõi Vô sắc chưa rồi.

Có bao nhiêu miên một của kiết? Có mười: cõi Dục có tám, trừ sắc nhiễm, vô sắc nhiễm, cõi Sắc có bảy, trừ lạc nhiễm, giận dữ, vô sắc nhiễm, cõi Vô sắc có sáu: kiến, nghi, vô sắc nhiễm, vô minh, mạn, và trạo cử.

Người trí đã sinh, cõi Dục chưa rồi, cõi Sắc chưa rồi, cõi Vô sắc chưa rồi.

Bao nhiêu miên một của kiết? Có bảy: cõi Dục có năm, trừ sắc nhiễm, vô sắc nhiễm, cõi Sắc có bốn: Sắc nhiễm, vô minh, mạn, và trạo cử, cõi Vô sắc có bốn: sắc nhiễm, vô minh, mạn, và trạo cử.

Lại có người trí sinh, cõi Dục đã rồi, cõi Sắc chưa rồi, cõi Vô sắc chưa rồi. Có bao nhiêu miên một của kiết? Có năm: nghi của cõi Dục, cõi Sắc có bốn: sắc nhiễm, vô minh, mạn, và trạo cử, cõi Vô sắc có bốn: vô sắc nhiễm, vô minh, mạn, và trạo cử.

Người trí chưa sinh, cõi Dục chưa rồi, cõi Sắc chưa rồi, cõi Vô sắc chưa rồi.

Có bao nhiêu miên một của kiết? Trong kiết kiến có tám, trừ tự tánh và giới đạo. Trong nghi, miên một của bốn kiết: giận dữ, vô minh, mạn, và trạo cử. Giới đạo, miên một của tám kiết, trừ tự tánh và vô sắc nhiễm, kiết dục nhiễm, miên một của năm kiết: kiến, nghi, vô minh, mạn, và trạo cử. Trong kiết giận dữ, miên một của năm kiết: kiến, nghi, vô minh, mạn, và trạo cử.

Trong kiết sắc nhiễm, miên một của năm kiết: kiến, nghi, vô minh, mạn, và trạo cử. Trong kiết của vô sắc nhiễm, miên một của năm kiết: kiến, nghi, vô minh, mạn, và trạo cử. Trong kiết vô minh, miên một của tám kiết, trừ tự tánh và giới đạo. Tám kiết cũng có miên một trong kiết mạn, và trạo cử, trừ tự tánh và giới đạo. Trong nhãn nhập, nhĩ nhập, miên một của tám kiết, trừ giới đạo và vô sắc nhiễm. Từ tỷ nhập, thiệt nhập, cho đến quá khứ, vị lai, hiện tại, cũng như trên đã nói. Không phải quá khứ, không phải vị lai, không phải hiện tại, là không có.

Người trí sinh, cõi Dục chưa rồi, cõi Sắc chưa rồi, cõi Vô sắc chưa rồi. Có bao nhiêu miên một của kiết? Trong kiết kiến không có, nghi,

giới đạo cũng không có. vô minh, mạn, và trạo cử trong kiết dục nhiễm, miên một của ba kiết; Vô minh, mạn, và trạo cử trong kiết giận dữ, miên một của ba kiết; vô minh, mạn, và trạo cử trong kiết sắc nhiễm, miên một của ba kiết, vô minh, mạn, trạo cử trong kiết vô sắc nhiễm, miên một của ba kiết. Trong kiết vô minh, miên một của sáu kiết, trừ tự tánh. Nhân nhập, nhĩ nhập, miên một của sáu kiết, trừ vô sắc nhiễm. Tỷ nhập, thiệt nhập, miên một của năm kiết, trừ sắc nhiễm, vô sắc nhiễm, thân nhập, miên một của sáu kiết, trừ vô sắc nhiễm. Ý nhập, miên một của bảy kiết. Sắc nhập, thanh nhập, miên một của sáu kiết, trừ vô sắc nhiễm.

Hương nhập, vị nhập, miên một của năm kiết, trừ sắc nhiễm, vô sắc nhiễm.

Xúc nhập, miên một của sáu kiết, trừ vô sắc nhiễm.

Pháp nhập, miên một của bảy kiết.

Giới nhân, giới nhĩ, miên một của sáu kiết, trừ vô sắc nhiễm.

Giới tỷ, giới thiệt, miên một của năm kiết, trừ sắc nhiễm, vô sắc nhiễm. Giới thân, miên một của sáu kiết, trừ vô sắc nhiễm.

Giới sắc, giới thanh, miên một của sáu kiết, trừ vô sắc nhiễm. Giới hương, giới vị, miên một của năm kiết, trừ sắc nhiễm, vô sắc nhiễm. Giới xúc, miên một của sáu kiết, trừ vô sắc nhiễm.

Nhãn thức giới, giới nhĩ thức, miên một của sáu kiết, trừ vô sắc nhiễm.

Giới tỷ thức, giới thiệt thức, miên một của năm kiết, trừ sắc nhiễm, vô sắc nhiễm. Thân thức giới, miên một của sáu kiết, trừ vô sắc nhiễm. Giới ý, giới ý thức, giới pháp miên một của bảy kiết.

Sắc ấm, miên một của bảy kiết, thọ, tưởng, hành, thức ấm cũng như thế.

Khổ đế, miên một của bảy kiết, vô minh, mạn, trạo cử, của tập đế, miên một của ba kiết, diệt đế, đạo đế không có.

Nhãn căn, nhĩ căn, miên một của sáu kiết, trừ vô sắc nhiễm. Tỷ căn, thiệt căn, miên một của năm kiết, trừ sắc nhiễm, vô sắc nhiễm, thân căn, miên một của sáu kiết, trừ vô sắc nhiễm. Nam căn, nữ căn, miên một của năm kiết, trừ sắc nhiễm, vô sắc nhiễm.

Mạng căn, miên một của bảy kiết, lạc căn, miên một của năm kiết, trừ kiết giận dữ, vô sắc nhiễm.

Khổ căn, miên một của bốn kiết: giận dữ, vô minh, mạn, và trạo cử.

Hỷ căn, miên một của năm kiết, trừ sân, vô sắc nhiễm.

Ưu căn, miên một của bốn kiết: giận dữ, vô minh, mạn, và trạo cử.

Xả căn, miên một của sáu kiết, trừ giận dữ.

Ý căn, miên một của bảy kiết, Thánh căn không có, địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ không có.

Trong loài người, miên một của năm kiết, trừ sắc nhiễm, vô sắc nhiễm.

Cõi trời đi có cả bảy kiết: Trời cõi Dục, miên một của năm kiết, trừ sắc nhiễm, vô sắc nhiễm.

Trời cõi Sắc, miên một của bốn kiết: sắc nhiễm, vô minh, mạn, và trạo cử. Các tầng trời cõi Vô sắc là miên một của bốn kiết: vô sắc nhiễm, vô minh, mạn và trạo cử.

Cõi Dục, miên một của năm kiết, trừ sắc nhiễm, vô sắc nhiễm.

Cõi Sắc, miên một của bốn kiết: sắc nhiễm, vô minh, mạn, và trạo cử. Cõi Vô sắc miên một của bốn kiết: Vô sắc nhiễm, vô minh, mạn và trạo cử.

Pháp sắc, miên một của bảy kiết, pháp chẳng phải sắc, cũng như thế.

Pháp có thể thấy, miên một của sáu kiết, trừ sắc nhiễm. Pháp không thể thấy, miên một của bảy kiết. Pháp có đối, miên một của sáu kiết, trừ vô sắc nhiễm, pháp không có đối, miên một của bảy kiết, pháp của bậc Thánh không có, pháp chẳng phải Thánh, miên một của bảy kiết, pháp hữu lậu bảy, pháp vô lậu không có. Pháp hữu nhiễm có bảy, pháp vô nhiễm không có. Pháp hữu mong cầu có bảy, pháp không mong cầu không có. Pháp sẽ nhận lấy có bảy, pháp không phải sẽ nhận lấy không có. Pháp có nhận lấy có bảy, pháp không có nhận lấy không có. Pháp có vượt hơn bảy, pháp không vượt hơn, không có. Pháp thọ có bảy, pháp phi thọ có bảy, pháp nội có bảy, pháp ngoại có bảy pháp hữu báo có bảy, pháp vô báo có bảy.

Pháp tâm có bảy, pháp phi tâm có bảy, pháp tương ứng của tâm có bảy, pháp không phải tương ứng của tâm có bảy, pháp tâm sở bảy, pháp không phải tâm sở có bảy, pháp hữu duyên có bảy, pháp vô duyên có bảy, pháp của tâm chung có bảy, pháp chẳng phải tâm chung có bảy, pháp tùy tâm chuyển có bảy, pháp không tùy tâm chuyển có bảy.

Pháp nghiệp có bảy, pháp chẳng phải nghiệp có bảy, pháp tương ứng của nghiệp có bảy, pháp không phải tương ứng của nghiệp có bảy, pháp của nghiệp chung có bảy, pháp của nghiệp không chung có bảy, pháp tương ứng của nghiệp có bảy, pháp không phải tương ứng của

nghiệp có bầy, pháp của nghiệp chung có bầy, pháp của nghiệp không chung có bầy, pháp tùy nghiệp chuyển có bầy, pháp không tùy nghiệp chuyển có bầy, pháp của nhân có bầy, pháp không có nhân có bầy, pháp có đầu mối có bầy, pháp không có đầu mối có bầy, pháp hữu duyên có bầy, pháp vô duyên có bầy, pháp hữu vi có bầy, pháp vô vi có bầy, pháp biết có bầy, pháp không biết có bầy, pháp nhận thức có bầy, pháp không phải nhận thức có bầy, pháp giải bầy, pháp không giải có bầy, pháp thấu tỏ có bầy, pháp không thấu tỏ có bầy, pháp dứt trí biết có bầy, pháp chẳng phải dứt trí biết có bầy, pháp đoạn, pháp không phải đoạn cũng như thế có bầy.

Pháp tu có bầy, pháp không tu có bầy, pháp chứng có bầy, pháp không phải chứng có bầy, pháp thiện có bầy, pháp bất thiện có bầy, pháp vô ký có bầy, pháp Học, pháp Vô học không có, pháp phi học, phi Vô học có bầy, pháp báo có bầy, pháp của pháp báo có bầy, pháp không phải báo, pháp chẳng phải pháp báo có bầy, pháp kiến đoạn không có, pháp tư duy đoạn có bầy, pháp không phải kiến đoạn, không phải tư duy đoạn có bầy, pháp của nhân kiến đoạn không có, pháp của nhân tư duy đoạn có bầy, không phải kiến đoạn, chẳng phải pháp của nhân tư duy đoạn có bầy, pháp thuộc cõi Dục có năm, trừ sắc nhiễm, vô sắc nhiễm.

Pháp thuộc cõi Sắc có bốn: sắc nhiễm, vô minh, mạn, và trạo cử.

Pháp thuộc cõi Vô sắc có bốn: vô sắc nhiễm, vô minh, mạn, và trạo cử. Pháp không thuộc, không có.

Pháp quá khứ có bầy, pháp vị lai có bầy, pháp hiện tại có bầy, không phải quá khứ, không phải vị lai, không phải hiện tại, không có.

Người trí sinh ở cõi Dục đã rồi, cõi Sắc chưa rồi, cõi Vô sắc chưa rồi.

Có bao nhiêu miên một của kiết? Trong kiết kiến không có, nghi, trộm giới, dục nhiễm, giận dữ, không có.

Vô minh, mạn, và trạo cử trong kiết sắt nhiễm, miên một của ba kiết. vô sắc nhiễm, miên một của ba kiết: vô minh, mạn, và trạo cử. Kiết vô minh, miên một của bốn kiết, trừ tự tánh. Kiết mạn, trạo cử miên một của bốn kiết, trừ tự tánh.

Nhãn nhập, nhĩ nhập, miên một của bốn kiết, trừ vô sắc nhiễm. Tỷ nhập, thiệt nhập không có. Thân nhập miên một của bốn kiết, trừ vô sắc nhiễm. Ý nhập miên một của năm kiết.

Sắc nhập, thanh nhập, miên một của bốn kiết, trừ vô sắc nhiễm. Hương nhập, vị nhập không có.

Xúc nhập, miên một của bốn kiết, trừ vô sắc nhiễm. Pháp nhập, miên một của năm kiết, giới nhân, giới nhĩ, miên một của bốn kiết, trừ vô sắc nhiễm, giới tử, giới thiết không có, giới thân, miên một của bốn kiết, trừ vô sắc nhiễm.

Giới sắc, giới thanh, miên một của bốn kiết, trừ vô sắc nhiễm. Giới tử, giới thiết không có. Giới xúc, miên một của bốn kiết, trừ vô sắc nhiễm.

Nhãn thức giới, giới nhĩ thức, miên một của bốn kiết, trừ vô sắc nhiễm. Giới tử thức, giới thiết thức, không có. Thân thức giới, miên một của bốn kiết, trừ vô sắc nhiễm. Giới ý, giới ý thức, giới pháp miên một của năm kiết. Sắc ấm, miên một của năm kiết, thọ, tưởng, hành, thức ấm cũng như thế.

Khổ đế, miên một của năm kiết, tập đế, miên một của ba kiết: vô minh, mạn, và trạo cử. Diệt đế, đạo đế không có.

Nhãn căn, nhĩ căn, miên một của bốn kiết, trừ vô sắc nhiễm, tử căn, thiết căn không có. Thân căn, miên một của bốn kiết, trừ vô sắc nhiễm, nam căn, nữ căn không có. Mạng căn, miên một của năm kiết, lạc căn, hỷ căn, miên một của bốn kiết, trừ vô sắc nhiễm, khổ căn, ưu căn không có. Xả căn, hỷ căn miên một của năm kiết, các căn vô lậu không có. Địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ cõi người không có.

Cả cõi trời, miên một của năm kiết, các trời cõi Dục không có. Trên các trời cõi Sắc, miên một của bốn kiết, trừ vô sắc nhiễm, trên cõi trời Vô sắc, miên một của bốn kiết, trừ sắc nhiễm, cõi Dục không có. Cõi Sắc, miên một của bốn kiết, trừ vô sắc nhiễm, cõi Vô sắc, miên một của bốn kiết, trừ sắc nhiễm.

Pháp sắc, miên một của bốn kiết, pháp vô sắc cũng như thế. Pháp có thể thấy, miên một của bốn kiết, trừ vô sắc nhiễm. Pháp không thể thấy, miên một của năm kiết. Pháp có đối, miên một của bốn kiết, trừ vô sắc nhiễm. Trong pháp không có đối, miên một của năm kiết, pháp của bậc Thánh đều là pháp của bậc Thánh.

Pháp hữu lậu có năm, pháp vô lậu không có. Pháp hữu nhiễm có năm, pháp vô nhiễm không có. Pháp có mong cầu có năm, pháp không mong cầu không có. Pháp sẽ nhận lấy có năm, pháp không phải sẽ nhận lấy không có. Pháp có nhận lấy có năm, pháp không nhận lấy không có. Pháp có vượt hơn có năm, pháp không vượt hơn, không có. Pháp thọ có năm, pháp không phải thọ có năm. Pháp nội có năm, pháp ngoại có năm. Pháp hữu báo có năm, pháp vô báo có năm. Pháp tâm có năm, pháp phi tâm có năm. Pháp tương ứng tâm có năm, pháp bất tương ứng

của tâm có năm. Pháp tâm sở có năm, pháp không phải tâm sở có năm. Pháp hữu duyên có năm, pháp vô duyên có năm. Pháp của tâm chung có năm, pháp của tâm không chung có năm. Pháp tùy tâm chuyển có năm, pháp không tùy tâm chuyển có năm. Pháp nghiệp có năm, pháp không phải nghiệp có năm. Pháp tương ứng của nghiệp có năm, pháp tương ứng của không phải nghiệp có năm. Pháp nghiệp chung có năm, pháp không phải nghiệp chung có năm. Pháp tùy nghiệp chuyển có năm, pháp không tùy nghiệp chuyển có năm. Pháp nhân có năm, pháp không phải nhân có năm. Pháp hữu nhân có năm, pháp vô nhân có năm. Pháp hữu đầu mối có năm pháp không đầu mối có năm. Pháp hữu vi có năm, pháp vô vi có năm. Pháp biết có năm, pháp chẳng biết không có, pháp thức, pháp phi thức, pháp giải, pháp phi giải, pháp thấu tỏ, pháp không thấu tỏ cũng như thế.

Pháp đoạn trí biết có năm, pháp chẳng phải dứt trí biết có năm, pháp dứt, pháp phi đoạn cũng như thế. Pháp tu có năm, pháp không phải tu có năm. Pháp chứng có năm, pháp phi chứng có năm. Pháp thiện có năm, pháp bất thiện có năm. Pháp học có năm, pháp Vô học có năm, pháp phi học, phi Vô học có năm. Pháp giải có năm, pháp của pháp báo có năm, chẳng phải báo, chẳng phải pháp của pháp báo có năm. Pháp kiến đoạn không có, pháp tư duy đoạn có năm. Pháp không phải kiến đoạn, không phải tư duy đoạn có năm. Pháp của nhân kiến đoạn không có, pháp của nhân tư duy đoạn có năm. Pháp của nhân không phải kiến đoạn, không phải tư duy đoạn có năm. Pháp thuộc về cõi Dục, pháp thuộc cõi Vô sắc có bốn, trừ vô sắc nhiễm. Pháp thuộc cõi Sắc có bốn, trừ sắc nhiễm, pháp không thuộc không có. Pháp quá khứ có năm, pháp vị lai có năm, pháp hiện tại có năm. Pháp không phải quá khứ, không phải vị lai, không phải hiện tại, không có.

